

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2023.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Siêng.

2. Bà Nguyễn Thị Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 151/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Lê Hoàng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

(*Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị H trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2013, chị H sống chung với anh N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm sống, chị H ly thân anh N từ năm 2021 cho đến nay. Tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H với anh N có 01 con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 02/6/2017, đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Hà không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn anh Lê Hoàng N vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2022, anh Nn trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2013, anh N với chị H sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm sống, nên anh N và chị H đã ly thân từ năm 2021, hiện nay không còn sống chung. Anh N không đồng ý ly hôn, yêu cầu sống chung lại với chị H.

Về con chung: Anh N với chị H có 01 con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 02/6/2017, đang sống chung với chị H. Anh N yêu cầu sống chung lại với chị H để nuôi cháu T.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh N không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Phước T, sinh ngày 02/6/2017 cho chị H tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ về hôn nhân và gia đình, nên xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên tòa xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2013, chị H sống chung với anh N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm sống; chị H và anh N đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N không đồng ý ly hôn, yêu cầu sống chung lại với chị H, nhưng chị H không đồng ý; nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Chị H với anh N có 01 con chung tên là Lê Phước T, sinh ngày 02/6/2017, cháu T hiện đang sống chung với chị H. Do đó, chị H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên chấp nhận; anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn anh Lê Hoàng N.
 2. Về con chung: Giao cháu Lê Phước T, sinh ngày 02/6/2017 cho chị Trần Thị Ngọc H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Hoàng N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0026575 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị H đã nộp xong án phí.

+ Anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu